

Số: /QĐ-UBND

Phước Long, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÙ HỢP  
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA THEO TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cấp ủy - HĐND và UBND thị xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND Thị xã Phước Long phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Văn phòng Cấp ủy – HĐND và UBND thị xã, các phòng ban, đơn vị thuộc UBND Thị xã; CBCC, người lao động có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&CN (để tổng hợp);
- CT,PCT.UBND thị xã;
- LĐVP,CVK
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Thụy Luân**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND THỊ XÃ PHƯỚC LONG**  
**ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2021)*

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
<b>I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng</b>				
1.	Chính sách chất lượng	C_SCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	01	
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	01	
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	01	
<b>II. Quy trình giải quyết TTHC</b>				
<b>UBND THỊ XÃ LIỆT KÊ CÁC THỦ TỤC, QUY TRÌNH ĐÃ XÂY DỰNG, BAN HÀNH KHỚP VỚI THỰC TẾ CỦA UBND THỊ XÃ</b>				
<b>1. Phòng Giáo dục và đào tạo</b>				
10.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT-01/GD&ĐT	01	
11.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-02/GD&ĐT	01	
12.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GD&ĐT	01	
13.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-04/GD&ĐT	01	
14.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-05/GD&ĐT	01	
15.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-06/GD&ĐT	01	

16.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-07/GD&ĐT	01	
17.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-08/GD&ĐT	01	
18.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-09/GD&ĐT	01	
19.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-10/GD&ĐT	01	
20.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-11/GD&ĐT	01	
21.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-12/GD&ĐT	01	
22.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-13/GD&ĐT	01	
23.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-14/GD&ĐT	01	
24.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-15/GD&ĐT	01	
25.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-16/GD&ĐT	01	
26.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-17/GD&ĐT	01	
27.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT-18/GD&ĐT	01	
28.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT-19/GD&ĐT	01	
29.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-20/GD&ĐT	01	
30.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-21/GD&ĐT		
31.	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT-22/GD&ĐT		
32.	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi (PCGDMNTNT) đối với đơn vị cấp cơ sở	QT-23/GD&ĐT		
33.	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi	QT-24/GD&ĐT		

<b>2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>				
<b>2.1. Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>				
34.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp Thị xã quyết định đầu tư)	QT-01/LN		
<b>2.2. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>				
35.	Hỗ trợ dự án liên kết	QT-01/PTNT	01	
36.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-02/PTNT	01	
<b>2.3. Lĩnh vực Thủy sản</b>				
37.	Hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên biển (đặc thù)	QT-01/TS	01	
38.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-02/TS	01	
39.	Sửa đổi, bổ sung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Thị xã trở lên)	QT-03/TS	01	
40.	Công bố mở cảng cá loại 3	QT-04/TS	01	
<b>2.4. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>				
41.	Bố trí ổn định dân cư ngoài Thị xã, trong tỉnh	QT-01/KTHT	01	
42.	Bố trí ổn định dân cư trong Thị xã	QT-02/KTHT	01	
<b>3. Phòng Tư pháp</b>				
<b>3.1. Lĩnh vực Chứng thực</b>				
43.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-01/CT	01	
44.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài hoặc chứng nhận	QT-02/CT	01	
45.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-03/CT	01	
46.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-04/CT	01	
47.	Sửa đổi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-05/CT	01	

48.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-06/CT	01	
49.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-07/CT	01	
50.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-08/CT	01	
51.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-09/CT	01	
52.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản là động sản	QT-10/CT	01	
53.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-11/CT	01	
54.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-12/CT		
<b>3.2. Lĩnh vực Hộ tịch</b>				
55.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT	01	
56.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT	01	
57.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT	01	
58.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT	01	
59.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT	01	
60.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT	01	
61.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/HT	01	
62.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-08/HT	01	
63.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-09/HT	01	
64.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-10/HT	01	
65.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-11/HT	01	
66.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT	01	
67.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho	QT-13/HT	01	

	người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân			
68.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-14/HT	01	
69.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-15/HT	01	
70.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-16/HT	01	
<b>3.3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>				
71.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN	01	
72.	Phục hồi danh dự	QT-02/BTNN	01	
<b>3.4. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở</b>				
73.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-01/HGCS	01	
<b>4. Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>				
<b>4.1. Lĩnh vực Môi trường</b>				
74.	Đăng ký/Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	QT-01/MT	01	
75.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT-02/MT	01	
<b>4.2. Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>				
76.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-01/TNN	01	
77.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp Thị xã đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-02/TNN	01	
<b>4.3. Lĩnh vực Đất đai</b>				
78.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-01/ĐĐ	01	
79.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-02/ĐĐ	01	
80.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-03/ĐĐ	01	
81.	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư	QT-04/ĐĐ	01	

	ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam			
82.	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT-05/ĐĐ	01	
83.	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	QT-06/ĐĐ	01	
84.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị xã	QT-07/ĐĐ	01	
<b>4.4. Lĩnh vực Phí, lệ phí</b>				
85.	Kê khai, thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	QT-01/P	01	
<b>5. Phòng Nội vụ</b>				
<b>5.1. Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo</b>				
86.	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT-01/TNTG	01	
87.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một Thị xã	QT-02/TNTG	01	
88.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một Thị xã	QT-03/TNTG	01	
89.	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một Thị xã	QT-04/TNTG	01	
90.	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một Thị xã	QT-05/TNTG	01	
91.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa bàn điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một Thị xã	QT-06/TNTG	01	
92.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa phương phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một Thị xã	QT-07/TNTG	01	
93.	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một Thị xã, quận,	QT-	01	

	thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	08/TNTG		
<b>5.2. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng</b>				
94.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND Thị xã, thành phố về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-01/TĐKT	01	
95.	Tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	QT-02/TĐKT	01	
96.	Tặng danh hiệu “Chiến thi đua cơ sở”	QT-03/TĐKT	01	
97.	Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT-04/TĐKT	01	
98.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp Thị xã, thành phố về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-05/TĐKT	01	
99.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp Thị xã về thành tích đợt xuất	QT-06/TĐKT	01	
100.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp Thị xã về khen thưởng đối ngoại	QT-07/TĐKT	01	
101.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp Thị xã về khen thưởng cho gia đình	QT-08/TĐKT	01	
<b>5.3. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về tổ chức Phi chính phủ</b>				
102.	Công nhận Ban vận động thành lập hội	QT-01/PCP	01	
103.	Thành lập hội	QT-02/PCP	01	
104.	Phê duyệt điều lệ hội	QT-03/PCP	01	
105.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT-04/PCP	01	
106.	Đổi tên hội	QT-05/PCP	01	
107.	Hội tự giải thể	QT-06/PCP	01	
108.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT-07/PCP	01	
109.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT-08/PCP	01	
110.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT-09/PCP	01	
111.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT-10/PCP	01	
112.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT-11/PCP	01	



113.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT-12/PCP	01	
114.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT-13/PCP	01	
115.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT-14/PCP	01	
116.	Đổi tên quỹ	QT-15/PCP	01	
117.	Quỹ tự giải thể	QT-16/PCP	01	
118.	Thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT-17/PCP	01	
119.	Xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT-18/PCP	01	
<b>5.4. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập</b>				
120.	Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-01/TCHC	01	
121.	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-02/TCHC	01	
122.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-03/TCHC	01	
<b>6. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội</b>				
<b>6.1. Lĩnh vực Người có công</b>				
123.	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-01/NCC	01	
124.	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT-02/NCC	01	
<b>6.2. Lĩnh vực Lao động, tiền lương</b>				
125.	Gửi thang lương, bản lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QT-01/LĐTL	01	
126.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-02/LĐTL	01	
<b>6.3. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>				
127.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT-01/GDNN	01	
<b>6.4. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>				
128.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã	QT-	01	

	hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	01/BTXH		
129.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn Thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-02/BTXH	01	
130.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các Thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-03/BTXH	01	
131.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-04/BTXH	01	
132.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-05/BTXH	01	
133.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-06/BTXH	01	
134.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-07/BTXH	01	
135.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-08/BTXH	01	
136.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-09/BTXH	01	
137.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT-10/BTXH	01	
138.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp Thị xã	QT-11/BTXH	01	
139.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp Thị xã	QT-12/BTXH	01	
140.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT-13/BTXH	01	
141.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT-14/BTXH	01	
142.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-15/BTXH	01	
143.	Cấp, cấp lại sổ bảo trợ xã hội	QT-16/BTXH	01	

### 6.5. Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội

144.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-01/PCTNXH	01	
145.	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Cơ sở quản lý sau cai nghiện	QT-02/PCTNXH	01	
146.	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT-03/PCTNXH	01	
<b>6.6. Lĩnh vực Hỗ trợ người dân khó khăn trong đại dịch Covid 19</b>				
147.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	QT-01/HTNLĐ	01	
148.	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19	QT-02/HTNLĐ	01	
149.	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT-03/HTNLĐ	01	
150.	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19	QT-04/HTNLĐ	01	
151.	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19	QT-05/HTNLĐ	01	
<b>7. Phòng Kinh tế - Hạ tầng</b>				
<b>7.1. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>				
152.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-01/LTHH	01	
153.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/LTHH	01	
154.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/LTHH	01	
155.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-04/LTHH	01	
156.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-05/LTHH	01	
157.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-06/LTHH	01	
158.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-07/LTHH	01	
159.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-	01	

		08/LTHH		
160.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT-09/LTHH	01	
<b>7.2. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b>				
161.	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông thôn tiêu biểu cấp Thị xã	QT-01/CNTD	01	
<b>7.3. Lĩnh vực Kinh doanh khí</b>				
162.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-01/KDK	01	
163.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-02/KDK	01	
164.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-03/KDK	01	
<b>7.4. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>				
165.	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	QT-01/XD	01	
166.	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh	QT-02/XD	01	
167.	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT-03/XD	01	
168.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp Thị xã	QT-04/XD	01	
169.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp Thị xã	QT-05/XD	01	
170.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QT-06/XD	01	

	thuộc thẩm quyền của UBND cấp Thị xã			
<b>8. Phòng Tài chính – Kế hoạch</b>				
<b>8.1. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh</b>				
171.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/HKD	01	
172.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/HKD	01	
173.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-03/HKD	01	
174.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-04/HKD	01	
175.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-05/HKD	01	
<b>8.2. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã</b>				
176.	Đăng ký Hợp tác xã	QT-01/HTX	01	
177.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT-02/HTX	01	
178.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã	QT-03/HTX	01	
179.	Đăng ký khi Hợp tác xã chia	QT-04/HTX	01	
180.	Đăng ký khi Hợp tác xã tách	QT-05/HTX	01	
181.	Đăng ký khi Hợp tác xã hợp nhất	QT-06/HTX	01	
182.	Đăng ký khi Hợp tác xã sáp nhập	QT-07/HTX	01	
183.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã (trong trường hợp vị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-08/HTX	01	
184.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-09/HTX	01	
185.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-10/HTX	01	
186.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-11/HTX	01	
187.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-12/HTX	01	
188.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-13/HTX	01	
189.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-14/HTX	01	
190.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-15/HTX	01	
191.	Đăng ký khi Hợp tác xã sáp nhập	QT-16/HTX	01	

<b>8.3. Lĩnh vực Đầu tư xây dựng cơ bản</b>				
192.	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành	QT-01/ĐTXD	01	
<b>8.4. Lĩnh vực Quản lý công sản</b>				
193.	Mua quyền hóa đơn	QT-01/QLCS	01	
194.	Mua hóa đơn lẻ	QT-02/QLCS	01	
<b>9. Phòng Văn hóa thông tin</b>				
<b>9.1. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>				
195.	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp Thị xã cấp)	QT-01/VHCS	01	
196.	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp Thị xã cấp)	QT-02/VHCS	01	
197.	Công nhận lần đầu "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa" "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa" "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"	QT-03/VHCS	01	
198.	Công nhận lần đầu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT-04/VHCS	01	
199.	Công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT-05/VHCS	01	
200.	Công nhận lần đầu "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT-06/VHCS	01	
201.	Công nhận lại "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT-07/VHCS	01	
202.	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT-08/VHCS	01	
203.	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT-09/VHCS	01	
204.	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp Thị xã	QT-10/VHCS	01	
205.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp Thị xã	QT-11/VHCS	01	
<b>9.2 Lĩnh vực Thư viện</b>				
206.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT-01/TV	01	
<b>9.3 Lĩnh vực Gia đình</b>				
207.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của	QT-01/GĐ	01	

	cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp Thị xã)			
208.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp Thị xã)	QT-02/GĐ	01	
209.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp Thị xã)	QT-03/GĐ	01	
210.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp Thị xã)	QT-04/GĐ	01	
211.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp Thị xã)	QT-05/GĐ	01	
212.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp Thị xã)	QT-06/GĐ	01	
<b>9.4 Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử</b>				
213.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-01/PTTH	01	
214.	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-02/PTTH	01	
215.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-03/PTTH	01	
216.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-04/PTTH	01	
<b>9.5 Lĩnh vực Xuất bản, in và phát hành</b>				
217.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-01/XB	01	
218.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-02/XB	01	
<b>10. Thanh tra Thị xã</b>				
<b>10.1. Lĩnh vực Khiếu nại</b>				
219.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-01/KN	01	
220.	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-02/KN	01	
<b>10.2. Lĩnh vực Tố cáo</b>				
221.	Giải quyết tố cáo	QT-01/TC	01	

**10.3 Lĩnh vực Tiếp công dân**

222.	Tiếp công dân	QT-01/TCD	01	
<b>10.4 Lĩnh vực Xử lý đơn</b>				
223.	Xử lý đơn	QT-01/XLD	01	